

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bán án số: 58/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 5 - 2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hậu

Bà Trần Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L Xuyên tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố L Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1976. Địa chỉ: tổ 9, ấp Bình Hòa 2, xã Mỹ Khánh, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang (bà M có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/3/2022).

- Bị đơn: Ông Đoàn Hải L, sinh năm 1974. Địa chỉ: tổ 9, ấp Bình Hòa 2, xã Mỹ Khánh, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Đoàn Hải L do quen biết, tìm hiểu nhau trước, cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, thành phố L Xuyên vào ngày 27/10/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuần, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà M yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thị Ngọc L, sinh ngày 03/11/1998 và Đoàn Huỳnh Nh, sinh ngày 27/9/2000, hiện các con đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà M và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đoàn Hải L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/3/2022. Bị đơn ông Đoàn Hải L vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà M với ông L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Đoàn Hải L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Khánh, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang nên bà M khởi kiện xin ly hôn với ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đoàn Hải L mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai Nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Đoàn Hải L tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang ngày 27/10/1997 là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà M cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng

quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L. Bị đơn ông Đoàn Hải L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng bà M, ông L có những mâu thuẫn nhất định, thể hiện qua việc vợ chồng ông bà đã sống ly thân một thời gian dài. Trong thời gian này cả hai chỉ lo cho cuộc sống cá nhân mà không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L biết về việc bà M xin ly hôn. Nhưng ông L không tham dự phiên tòa cũng như trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà M, điều này thể hiện ông L không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc bà M xin ly hôn với ông L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Thị Ngọc L, sinh ngày 03/11/1998 và Đoàn Huỳnh Nh, sinh ngày 27/9/2000, hiện các con đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Bà M trình bày là bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến. Về nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc M và ông Đoàn Hải L.

[2] Về con chung: 02 con chung tên Đoàn Thị Ngọc L, sinh ngày 03/11/1998 và Đoàn Huỳnh Nh, sinh ngày 27/9/2000, hiện các con đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0002765 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L Xuyên. Bà M đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Khánh;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền